

Phát triển ngành công nghiệp chế biến, chế tạo Quảng Ninh thực trạng và giải pháp

PGS.TS. VŨ VĂN HÀ¹

PGS.TS. PHẠM THỊ THANH BÌNH²

¹Trường Đại học Đại Nam

²Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

- NGÀY NHẬN BÀI: 02/3/2023 ● NGÀY CHUYỂN PHẢN BIỆN: 06/3/2023
- NGÀY CHẤP NHẬN PHẢN BIỆN: 25/3/2023 ● NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 04/4/2023

Tóm tắt: Công nghiệp chế biến, chế tạo là xương sống của nền kinh tế, là nền tảng và là động lực dẫn dắt tăng trưởng của toàn ngành công nghiệp Việt Nam. Quảng Ninh luôn được xếp vào nhóm có dư địa phát triển ngành công nghiệp chế biến, chế tạo lớn dựa trên nền tảng của ngành khai thác, chế biến than. Công nghiệp chế biến, chế tạo là một trong ba trụ cột chính của ngành công nghiệp, động lực cho phát triển kinh tế của Quảng Ninh.

Từ khóa: Phát triển công nghiệp, vai trò công nghiệp chế biến, chế tạo, giải pháp.

1. THỰC TRẠNG VÀ VAI TRÒ CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO QUẢNG NINH

Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo Quảng Ninh có tốc độ tăng bình quân đạt 12,5%/năm giai đoạn 2010-2020, với quy mô đạt trên 20.300 tỷ đồng (2020), tăng gấp 5,5 lần so với năm 2010. Năm 2021, Quảng Ninh có 841 doanh nghiệp chế biến, chế tạo (chiếm 81,8% tổng số doanh nghiệp toàn ngành công nghiệp), tăng 550 doanh nghiệp so với năm 2010; tổng nguồn vốn đầu tư đạt 68.997 tỷ đồng, chiếm 28,7% tổng vốn đầu tư ngành công nghiệp. Cơ cấu các ngành công nghiệp có sự chuyển

dịch rõ nét; trong đó giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng dần tỷ trọng từ 6,7% đóng góp (2021) vào Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP - Gross Regional Domestic Product) toàn tỉnh tăng lên 9,6% (2020).

Những lĩnh vực chế biến, chế tạo có nhiều lợi thế của Quảng Ninh là: Dệt may, chế biến thực phẩm, cơ khí, chế biến vật liệu xây dựng... đang phát triển theo hướng bền vững, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong sản xuất, nâng cao hiệu suất, bảo vệ môi trường; từng bước xây dựng được thương hiệu sản phẩm và khẳng định

uy tín trên thị trường. Các dự án chế biến chế tạo trong khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp đã phát huy hiệu quả đầu tư, góp phần đẩy mạnh cơ cấu lại lao động, giải quyết việc làm, đóng góp lớn cho thu ngân sách nhà nước, bảo đảm an sinh xã hội của tỉnh.

Năm 2021, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của Quảng Ninh đạt 10,28%, đứng thứ 2 so với các tỉnh, thành phố trong cả nước, cao gấp nhiều lần mức tăng GRDP của cả nước (chỉ đạt 2,5%). Trong đó, động lực tăng trưởng chính là công nghiệp chế biến, chế tạo với tốc độ tăng trưởng đạt 32,19% GDP. Một số sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo đạt cao, như: sợi bông cotton đạt hơn 310.000 tấn, tăng 17%; vải dệt từ sợi tổng hợp đạt 2,8 triệu m², tăng 88%; màn hình tivi đạt 803.000 cái, tăng 414,74%. Trong 9 tháng đầu năm 2022, tốc độ tăng trưởng kinh tế tỉnh Quảng Ninh vẫn giữ được đà tăng trưởng ổn định ở mức 8,2%. Đáng chú ý, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo vẫn là điểm sáng khi tăng 36,2%.

Công nghiệp chế biến, chế tạo đóng vai trò chủ đạo, tạo ra giá trị gia tăng lớn nhất cho khu vực công nghiệp, tác động lan tỏa tổng thể đến chất lượng tăng trưởng kinh tế. Năm 2021, Quảng Ninh thu hút được 10 dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, gồm 7 dự án FDI, (với số vốn đầu tư đăng ký 935,025 triệu USD) và 3 dự án vốn đầu tư trong nước (với số vốn đầu tư đăng ký 4.468 tỷ đồng). Điều chỉnh tăng vốn cho 44 dự án thuộc ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, với số vốn đầu tư tăng thêm đạt gần 112 triệu USD. Tổng vốn đầu tư thu hút vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo

trên địa bàn tỉnh đạt trên 28.700 tỷ đồng (2021), gấp 3,59 lần so với mục tiêu đặt ra (bình quân 8.000 tỷ đồng/năm). Tổng số lao động làm việc trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt trên 35.000 lao động.

Vai trò quan trọng của hoạt động sản xuất của ngành chế biến, chế tạo trong 2 năm (2020-2021) thực hiện “mục tiêu kép” vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế là bảo đảm sự phát triển ổn định và bền vững nền kinh tế. Việc chuyển hướng phòng, chống dịch sang “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 đã tác động tích cực tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Quảng Ninh, với sự đổi mới tư duy đã đi trước, đón đầu, tiếp tục đưa ngành công nghiệp chế biến, chế tạo phát triển, tạo động lực dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế. Mặc dù dịch bệnh, công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục đóng vai trò động lực dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế với tốc độ tăng trưởng đạt 38,95%. Trong đó, động lực tăng trưởng chính là nhóm ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (tăng trên 37.000%) và nhóm ngành sản xuất trang phục (tăng trên 970%) do có năng lực mới tăng của một số doanh nghiệp như: Công ty Foxconn; Công ty Kỹ thuật điện tử Tonly Việt Nam; Công ty TNHH Điện tử Bumjin Vina; Công ty TNHH Dệt may Weitai Hạ Long. Mục tiêu đến năm 2025, tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP của tỉnh đạt 15% và đạt 20% (2030); thu hút vốn đầu tư đạt trên 45.000 tỷ đồng giai đoạn (2020-2025), đạt trên 30.000 tỷ đồng (giai đoạn 2025 - 2030). Tốc độ tăng

năng suất lao động ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 15-17%/năm (2020-2025) và đạt 17-20%/năm (2025-2030).

Trong giai đoạn 2021-2025 Quảng Ninh sẽ tập trung ưu tiên thu hút, phát triển các ngành nghề: Công nghiệp điện tử, viễn thông; sản phẩm số; công nghiệp ô tô; công nghiệp chế biến thực phẩm, hóa dược và dược phẩm; công nghiệp năng lượng sạch; công nghiệp môi trường; công nghiệp thời trang; công nghiệp hỗ trợ, phụ trợ phục vụ công nghiệp chế biến, chế tạo.

2. MỘT SỐ ĐÁNH GIÁ THÀNH TỰU VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ

Trong bối cảnh khó khăn về sản xuất kinh doanh trên toàn quốc và ngành than, dịch vụ, du lịch - vốn là những ngành kinh tế mũi nhọn của Quảng Ninh - bị ảnh hưởng tiêu cực nhiều từ dịch bệnh Covid 19, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) 9 tháng/2022 của tỉnh vẫn đạt được kết quả đáng khích lệ, cao hơn nhiều so với trung bình cả nước. Riêng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đã đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh, là động lực tăng trưởng chính cho khu vực công nghiệp, bù đắp cho sự sụt giảm của khu vực dịch vụ, du lịch do bị ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19. Tổng thu ngân sách nhà nước đạt 34.377 tỷ đồng, trong đó thu nội địa đạt 27.277 tỷ đồng, bằng 70% dự toán.

Chế biến, chế tạo là lực kéo cho tăng trưởng ngành công nghiệp nhưng lực kéo này chủ yếu vẫn ở khâu gia công lắp ráp. Giá trị gia tăng từ nước ngoài vẫn chiếm tỷ lệ lớn. Dịch Covid-19 định hình chiến lược đầu tư ít nhân công, năng suất lao động cao, giá trị gia tăng chuỗi cung ứng đầu

cuối. Đây cũng chính là thách thức lớn với ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ. Các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng cao gần 40% trong tổng doanh thu thuần sản xuất kinh doanh của nền kinh tế, nhưng chỉ đóng góp khoảng gần 14% GDP, giá trị gia tăng rất thấp so với các ngành công nghiệp khác. Trong cơ cấu giá trị gia tăng trong các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam, giá trị gia tăng từ nước ngoài vẫn chiếm tỷ lệ lớn, đặc biệt là từ Trung Quốc và Hàn Quốc. Trong khi tỷ lệ hàm lượng giá trị gia tăng nội địa vẫn còn thấp và chưa có nhiều chuyển dịch đáng kể (2 mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam là hàng dệt may và hàng điện tử có tỷ lệ giá trị gia tăng trong nước chỉ lần lượt là hơn 50% và hơn 37%.

Những thách thức, khó khăn lớn đặt ra trong quá trình phát triển công nghiệp của Việt Nam nói chung và tỉnh Quảng Ninh nói riêng, đó là:

Thứ nhất, sản xuất công nghiệp vẫn đang tập trung chủ yếu vào các hoạt động sản xuất ở công đoạn cuối cùng, đem lại giá trị gia tăng thấp. Công nghiệp còn có sự phát triển thiếu đồng bộ, thiếu kết nối giữa các mắt xích trong nội ngành và giữa các ngành công nghiệp dẫn tới sự phát triển thiếu tính bền vững;

Thứ hai, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nội hạn chế, động lực sản xuất và xuất khẩu sản phẩm công nghiệp vẫn đang chủ yếu được thúc đẩy bởi khu vực FDI, chiếm xấp xỉ 70% tổng kim ngạch xuất khẩu. Đó là hệ quả của mối liên kết yếu giữa doanh nghiệp FDI với các doanh nghiệp trong nước trong chuỗi cung ứng, cho thấy năng lực cạnh tranh còn hạn chế

trong tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu

Thứ ba, sức cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp thấp, khả năng tham gia vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu hạn chế. Các doanh nghiệp quy mô vừa và lớn của Việt Nam chiếm tỷ trọng rất nhỏ (khoảng 2%), chưa thực sự đóng vai trò dẫn dắt cho các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ (chiếm 98%) trong việc liên kết chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

Thứ tư, tính bền vững trong phát triển sản xuất và xuất khẩu còn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Trong bối cảnh thế giới ngày càng có những diễn biến phức tạp hơn, nhanh hơn và khó đoán định hơn trước và Việt Nam hội nhập sâu rộng với độ mở của nền kinh tế cao hơn, đồng nghĩa phải chịu tác động trực tiếp hơn, nhanh hơn và mạnh mẽ hơn khi tình hình thế giới gặp biến động.

Thứ năm, chi phí thương mại của Việt Nam vẫn đang còn ở mức cao, cao hơn mức trung bình của ASEAN về chi phí logistics, chi phí tuân thủ các quy định tại cửa khẩu và sau khi thông quan. Đây là một trong những nguyên nhân trực tiếp tác động tới chi phí giá thành của sản phẩm và ảnh hưởng tới sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại Quảng Ninh phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của địa phương, tỷ trọng đóng góp trong GRDP và thu ngân sách địa phương còn nhỏ. Trong 24 mã ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2010-2020 thì đa số dự án có quy mô vốn nhỏ, số dự án có công nghệ tiên tiến, hàm lượng chất xám, giá trị gia tăng cao chiếm tỷ lệ còn ít, chưa phát

triển đột phá công nghiệp sạch, công nghệ cao; hiệu quả sản xuất kinh doanh của một số dự án đầu tư chưa cao, chưa có những doanh nghiệp công nghiệp lớn, thương hiệu mạnh tham gia sâu vào chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị trong nước cũng như toàn cầu. Hiệu quả của khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong công nghiệp chế biến, chế tạo còn thấp, phần lớn là các dự án còn thâm dụng lao động, tiêu hao nhiều năng lượng, giá trị gia tăng thấp.

Theo đánh giá, tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong 9 tháng năm 2022 có xu hướng chậm lại so với cùng kỳ năm 2021. Hiện có 6 sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo không đạt kịch bản tăng trưởng đề ra trong 9 tháng và dự kiến đến hết năm có 8 sản phẩm không đạt được theo kịch bản tăng trưởng kinh tế. Các khu công nghiệp chủ yếu phát triển theo mô hình đa ngành, chưa có sự liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp trong khu công nghiệp để tạo nên cụm sản xuất quy mô lớn; chất lượng cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp còn nhiều mặt hạn chế. Hạ tầng trong khu công nghiệp và hạ tầng ngoài hàng rào khu công nghiệp chưa được quy hoạch bài bản và xây dựng đồng bộ; nguồn nhân lực chất lượng cao hiện có chưa đáp ứng được yêu cầu; còn thiếu các thiết chế văn hóa- xã hội thiết yếu.

Những hạn chế, yếu kém trên do nhiều nguyên nhân, gồm cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, song chủ yếu do nguyên nhân chủ quan là: Nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng về phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo còn chưa đầy đủ, nhất quán. Năng

lực đội ngũ cán bộ làm công tác thu hút, quản lý đầu tư nước ngoài, dự án công nghiệp chế biến, chế tạo còn hạn chế, khả năng phân tích, dự báo còn bất cập. Công tác quy hoạch chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển; cơ chế, chính sách còn thiếu tính chiến lược, tổng thể, đồng bộ, thống nhất. Môi trường đầu tư kinh doanh, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, ba khâu đột phá chiến lược tuy đã được cải thiện đáng kể, nhưng vẫn còn hạn chế; công tác xúc tiến, thu hút đầu tư vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo còn bất cập, phân tán, hiệu quả thấp.

Một số ngành công nghiệp chế biến, chế tạo không đạt kịch bản tăng trưởng đề ra do một số dự án công nghiệp chế biến, chế tạo chưa đi vào hoạt động, một số sản phẩm không có thị trường đầu ra, giá cả nguyên liệu đầu vào tăng cao, hoạt động XNK qua các cặp cửa khẩu của Trung Quốc thiếu ổn định. Riêng đối với sản lượng dầu thực vật trong những tháng đầu năm, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 diễn ra trên diện rộng, khiến một số khách hàng tiềm năng của đơn vị, cũng như các nhà máy sản xuất mỳ tôm, bánh kẹo... không đảm bảo đủ nguồn nhân lực phục vụ hoạt động sản xuất liên tục và ổn định. Điều này dẫn đến giảm sản lượng sản xuất, ảnh hưởng lớn đến một bộ phận của thị trường nội địa.

Nội lực của công nghiệp chế biến, chế tạo còn nhiều hạn chế, phụ thuộc rất lớn vào các chuỗi cung ứng từ nước ngoài về linh phụ kiện, nguyên vật liệu nhập khẩu dẫn đến nhiều khó khăn cho doanh nghiệp trong nước. Trong bối cảnh Covid 19 vẫn tiếp diễn, khó khăn nhất để phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo là doanh

nh nghiệp trong nước thiếu nguồn lực, thiếu nguyên liệu đầu vào và đang phụ thuộc quá nhiều vào thị trường nước ngoài, đặc biệt là nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ Trung Quốc, Hàn Quốc.

3. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO QUẢNG NINH

Giữ vai trò chủ chốt trong dẫn dắt tăng trưởng kinh tế, công nghiệp chế biến, chế tạo sẽ vẫn tiếp tục phát triển nếu có được giải pháp đủ mạnh có tính đột phá để thu hút đầu tư xã hội thông qua nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. Quảng Ninh đặt ra mục tiêu tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP của tỉnh đạt 15% (2025) và đạt 20% (2030). Để phát triển nhanh, bền vững ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030 với cơ cấu hợp lý, có khả năng cạnh tranh, Quảng Ninh tập trung định hướng vào một số giải pháp cơ bản sau:

Một là, quy hoạch mặt bằng sản xuất, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ.

Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác giải phóng mặt bằng, tiến độ đầu tư, thi công xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp của các chủ đầu tư; có chế tài phù hợp với các quy định của pháp luật ràng buộc trách nhiệm yêu cầu chủ đầu tư triển khai đầu tư đúng tiến độ cam kết, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng đầu cơ, giữ đất trong các khu công nghiệp; xác định rõ trách nhiệm của chính quyền địa phương và chủ đầu tư trong công tác xúc tiến đầu tư nhằm phát huy hiệu quả của các khu công nghiệp, tăng nhanh tỷ lệ lấp đầy, tránh bỏ lỡ cơ hội, lãng phí đất đai, tài nguyên, nguồn lực. Đồng

thời, cân đối ngân sách hợp lý theo phân cấp đầu tư ưu tiên nguồn lực đầu tư các hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ngoài hàng rào theo quy hoạch, đồng bộ có trọng tâm, trọng điểm nhằm tăng cường khả năng kết nối vùng, liên vùng, khu vực và quốc tế của các khu công nghiệp.

Việc huy động nguồn lực để tập trung hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại bảo đảm liên thông, tổng thể đáp ứng yêu cầu phát triển ngành công nghiệp chế biến, chế tạo nhanh và bền vững được các ngành chức năng đơn đốc đơn vị triển khai thực hiện triệt để, kịp thời. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng, bảo đảm đồng bộ, chuẩn bị sẵn sàng mặt bằng sạch, để giới thiệu cho các nhà đầu tư nghiên cứu đăng ký đầu tư các dự án công nghiệp chế biến, chế tạo, tiếp tục nâng cao tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp; tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và kiên quyết thu hồi các dự án đầu tư trong cụm công nghiệp triển khai chậm tiến độ, có sai phạm, gây lãng phí đất đai... theo quy định của pháp luật.

Chủ đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và triển khai đầu tư hạ tầng, từng bước tiến tới đi vào sản xuất. Như: khu công nghiệp Đông Mai đã hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật về san nền, đường giao thông, cây xanh, cấp nước, thoát nước..., hiện có khoảng 13,83ha đất công nghiệp có thể cho thuê. Khu công nghiệp Nam Tiền Phong đã giải phóng mặt bằng được 296/487,4 ha, hiện đang triển khai san lấp mặt bằng và đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật, diện tích đất có thể có thuê khoảng 100 ha. Khu công nghiệp Bắc Tiền Phong đã giải phóng

mặt bằng được 399,13/1.192,9 ha, san lấp hoàn chỉnh diện tích khoảng 65 ha, hiện đang triển khai đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật như: Đường giao thông, hệ thống công nghệ, tổng với diện tích có thể cho thuê là 68,4 ha...

Tập trung phát triển các khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp chuyên sâu, giảm bớt khu công nghiệp tổng hợp; tăng tính liên kết giữa các khu công nghiệp, khu kinh tế của Quảng Ninh - Hải Phòng, hình thành các cụm sản xuất có quy mô lớn, tập hợp các ngành liên kết, tương hỗ, phụ thuộc nhau để tạo nên những sản phẩm công nghiệp hoàn chỉnh. Rà soát, bổ sung quy hoạch một số khu công nghiệp, cụm công nghiệp mới, có lợi thế cạnh tranh, phát huy hiệu quả hạ tầng giao thông chiến lược của hai tuyến phía Đông và phía Tây.

Hai là, tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và lao động có kỹ năng đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với tăng quy mô và chất lượng dân số, tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực sẵn có, dễ tiếp cận.

Nhu cầu nguồn nhân lực về chế biến, chế tạo của Quảng Ninh hơn 128.700 lao động (2025). Trong đó, số lao động có chứng chỉ nghề trở lên khoảng 96.500 người, tập trung lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ ô tô, công nghiệp được phẩm, công nghiệp thời trang...

Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại trường Đại học Hạ Long, Trường Cao đẳng nghề Việt - Hàn và các cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với tăng quy mô và chất lượng dân số giai đoạn 2021 - 2025. Chú trọng đào tạo các ngành

ngành: điện, điện tử - tin học, cơ khí, tự động hóa, công nghệ cao, công nghệ ô tô... trong đó, phần đầu một số ngành nghề đạt trình độ quốc tế, khu vực. Mở rộng các mô hình cơ sở đào tạo, dạy nghề chất lượng cao, tạo dựng chuỗi liên kết lao động sau đào tạo với doanh nghiệp. Quan tâm đào tạo chuyển đổi nghề và nâng cao kỹ năng nghề cho lao động nông thôn, lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa. Khuyến khích khu vực tư nhân và các doanh nghiệp tham gia đào tạo nhân lực chất lượng cao, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động và tăng nhanh quy mô, chất lượng dân số.

Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ doanh nhân có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng quản trị hiện đại, có đạo đức kinh doanh; xây dựng đội ngũ công nhân có tác phong công nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tay nghề cao, có năng lực tiếp thu và sáng tạo công nghệ mới, lao động đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao. Tỷ lệ lao động qua đào tạo và được cấp chứng chỉ của Quảng Ninh tăng từ 35,2% năm 2015 lên 45,5% năm 2020, dự kiến đến năm 2025 tỷ lệ lao động qua đào tạo sẽ đạt 85%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ là 52%.

Tiếp tục tích cực xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù về thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần khắc phục tình trạng thiếu hụt lao động. Cùng với đó là quy hoạch, sắp xếp lại mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp, hướng đến xây dựng các trường chất lượng cao, thực hiện đào tạo các chương trình của các nước tiên tiến trên thế giới, tiếp cận trình độ đào tạo nghề các nước ASEAN-4,

phục vụ phát triển ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.

Để tạo được nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, bên cạnh vai trò của cơ quan quản lý nhà nước và cơ sở đào tạo, thì việc phát triển nguồn nhân lực tại doanh nghiệp có vai trò quan trọng, là hướng đi cần được tiếp tục quan tâm, đẩy mạnh. Công ty TNHH Xây dựng Thanh Tuyên là một trong những đơn vị như vậy, thời gian qua đã tích cực đổi mới, đầu tư công nghệ tiên tiến vào quy trình sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bắt nhịp với tốc độ phát triển của các doanh nghiệp cùng lĩnh vực. Công ty chú trọng chuẩn bị nhân lực có chuyên môn, tay nghề cao, thông qua cơ chế hợp tác đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên. Đơn vị đang phối hợp với các trường đại học, học viện trong nước, đội ngũ chuyên gia để thực hiện các đề tài nghiên cứu, chuyển giao công nghệ mới vào quá trình sản xuất, kinh doanh với kỳ vọng khai thác được nguồn nhân lực chất lượng cao này để tạo ra những mặt hàng, sản phẩm chất lượng, đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của thị trường.

Ba là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo

Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, thanh tra gắn với nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương và người đứng đầu trong chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đất đai, đầu tư, bảo vệ môi trường, nhất là việc triển khai thực hiện của kỳ kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và

cấp huyện đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế, các dự án có sử dụng đất; làm tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư, đảm bảo bàn giao mặt bằng “sạch” đúng tiến độ cho nhà đầu tư. Kiên quyết xử lý, thu hồi đất theo quy định của pháp luật đối với những dự án đã được giao đất, cho thuê đất nhưng không thực hiện đầu tư đúng thời gian quy định, sử dụng đất không hiệu quả, trái mục đích được giao, thuê; dự án thực hiện không đúng cam kết; ngăn chặn có hiệu quả tình trạng mua bán, chuyển nhượng, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép trong các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Cải cách hiệu quả thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục cấp phép đầu tư, quản lý; nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Công khai, minh bạch hệ thống chính sách, các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, phát triển ngành, lĩnh vực, danh mục các dự án kêu gọi, thu hút đầu tư; chủ động hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp mới tham gia thị trường về thủ tục hành chính, tiếp cận đất đai.

Công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cần tiếp tục được quan tâm. Việc giải quyết thủ tục hành chính phục vụ cho các dự án đầu tư cần được đẩy mạnh, qua đó đẩy nhanh, rút ngắn thời gian cấp phép cho các dự án đầu tư mới.

Bốn là, đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học – công nghệ; chú trọng liên kết vùng và hợp tác quốc tế phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo

Phát triển mạnh mẽ, tạo sự bứt phá về

hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin – truyền thông, đặc biệt là hạ tầng kết nối số (4G, 5G). Đẩy nhanh hoàn thành hạ tầng số và hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kho tài nguyên số, nền tảng dữ liệu mở, có khả năng chia sẻ, tích hợp đồng bộ, liên thông, hiện đại. Phát triển các mô hình sản xuất thông minh, quản lý thông minh. Đẩy mạnh triển khai thanh toán điện tử, quản lý thuế của các dự án phù hợp với xu thế phát triển của kinh tế số.

Tăng cường bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ; hợp tác trong nước và quốc tế trong nghiên cứu phát triển, ứng dụng, mua bán, chuyển giao các sản phẩm khoa học và công nghệ. Xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị công nghiệp hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới thiết bị công nghệ theo hướng tiên tiến, hiện đại, công nghệ cao, phát triển xanh. Cần ưu tiên thu hút những doanh nghiệp ứng dụng công nghệ hiện đại, công nghệ sạch, ít hao hụt tài nguyên, tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu ở một số chuyên ngành, lĩnh vực, có khả năng đáp ứng cơ bản các yêu cầu của nền kinh tế và xuất khẩu.

Năm là, đổi mới, nâng cao hiệu quả xúc tiến, hỗ trợ và thu hút đầu tư

Tăng cường xúc tiến đầu tư thông qua hợp tác với các nhà đầu tư lớn, các tập đoàn lớn, đa quốc gia nhằm khai thác hiệu quả từ các kênh thu hút đầu tư. Xây dựng các tiêu chí về đầu tư để lựa chọn, ưu tiên thu hút đầu tư phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực, địa bàn. Rà soát, bổ sung, điều chỉnh cơ chế, chính sách ưu đãi phát triển ngành công nghiệp

chế biến, chế tạo phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Ban hành danh mục các dự án công nghiệp khuyến khích đầu tư, đầu tư có điều kiện và không chấp nhận đầu tư trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030 để thu hút đầu tư.

Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước. Tạo điều kiện thu hút thành lập các Trung tâm đổi mới sáng tạo nhằm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp; tạo lập môi trường khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, nhất là triển khai các đề án, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp số. Có cơ chế, chính sách khuyến khích thu hút đầu tư phát triển ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong các lĩnh vực và nông, lâm, thủy sản.

Đa phương hóa, đa dạng hóa đối tác, hình thức đầu tư, đan xen lợi ích trong hợp tác đầu tư nước ngoài phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo và kết nối hữu cơ với khu vực kinh tế trong nước, phù hợp với định hướng cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng và mục tiêu phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, an sinh, trật tự, an toàn xã hội. Chú trọng thu hút có chọn lọc dự án FDI có chất lượng vào các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đến năm 2025 theo Nghị quyết 50-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Tóm lại, với các giải pháp triển khai đồng bộ, lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ. Cùng với những lợi thế sẵn có là hệ thống

các cảng biển, dịch vụ logistics, các khu công nghiệp, đường cao tốc, đặc biệt hệ thống các cặp cửa khẩu song phương với Trung Quốc... chắc chắn sẽ tạo ra lực đẩy mạnh mẽ để công nghiệp chế biến, chế tạo của tỉnh tiếp tục phát triển nhanh, mạnh, bền vững, thật sự là động lực và có đóng góp ngày càng quan trọng cho tăng trưởng bền vững của tỉnh giai đoạn 2020-2025.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoài Anh (2022), *Đáp ứng nguồn nhân lực phục vụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo*, Báo Quảng Ninh điện tử, truy cập từ <https://baoquangninh.vn/nang-cao-chat-luong-nguon-nhan-luc-phuc-vu-nganh-cong-nghiep-che-bien-che-tao-3174468.html>

2. Thu Chung (2022), *Chế biến, chế tạo: Phần đầu trở thành ngành công nghiệp chủ lực*, Báo Quảng Ninh điện tử, truy cập từ <https://baoquangninh.vn/but-toc-cua-nganh-cong-nghiep-che-bien-che-tao-3208206.html>

3. Mạnh Trường (2022), *Thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp chế biến, chế tạo* - Báo Quảng Ninh điện tử, truy cập từ <https://baoquangninh.vn/thuc-dy-phat-trien-nganh-cong-nghiep-che-bien-che-tao>, ngày 13/10/2022

4. Yến Vy (2021), *Phát triển nguồn nhân lực công nghiệp chế biến, chế tạo*, Báo Quảng Ninh điện tử, truy cập từ <https://baoquangninh.vn/phat-trien-cong-nghiep-che-bien-che-tao-chu-trong-giai-phap-nguon-nhan-luc-3160567.html>

5. Minh Đức (2022), *Công nghiệp chế biến, chế tạo – Động lực dẫn dắt tăng trưởng*, truy cập từ <https://baoquangninh.vn/cong-nghiep-che-bien-che-tao-dong-luc-dan-dat-tang-truong-3206441.html>